

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 88/2020/HS-ST
Ngày: 07/8/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoàng và ông Lương Văn Kiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Anh T (Méo), sinh năm 1994 tại Gia Lai, nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: số 02 đường Cao Bá Quát, Tổ 03, phường Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ làm biển quảng cáo; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: Không xác định, mẹ là bà Nguyễn H, cư trú cùng địa chỉ với bị cáo; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Tuyết N (Đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2020 đến ngày 08/3/2020 bị tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị hại: Anh Huỳnh V, sinh năm 1976 và chị Lê T, sinh năm 1977; cùng cư trú tại : 88 Nguyễn Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn H, sinh năm 1969; địa chỉ: 02 Cao Bá Q, tổ 3, phường Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phạm H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 0, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 27/02/2020 trên đường đi từ nhà số 88 đường Nguyễn Đ đến trụ sở cơ quan làm việc số 17 đường Trần Hưng Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, anh Huỳnh V làm rơi một ví da, bên trong có các loại giấy tờ, gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân (CMND), một giấy phép lái xe hạng B2, 01 thẻ ATM Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt nam (viết tắt là Ngân hàng BIDV), 01 thẻ ATM Ngân hàng Đông Á, 01 thẻ ATM Ngân hàng Eximbank, tất cả đều mang tên Huỳnh V; 01CMND, 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV, 01 thẻ ATM tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần Á châu (Viết tắt là Ngân hàng ABC, 01 thẻ ATM Ngân hàng Sacombank, 01 giấy thông báo mã pin Ngân hàng BIDV không còn in mã pin, 01 giấy thông báo mã pin của thẻ ATM tín dụng Ngân hàng ABC còn liên in mã pin tất cả đều mang tên Lê T, vợ anh V.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, Nguyễn Anh T điều khiển xe mô tô đi trên đường Nguyễn Võ Trung T đến đoạn giao nhau với đường Đồng Tiến, thuộc địa phận phường I, thì nhặt được ví da của anh V đã làm rơi nói trên. Thấy trong ví có nhiều thẻ ATM và giấy thông báo mã pin của thẻ ATM tín dụng Ngân hàng A nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong thẻ. Vì vậy, T đã đến máy rút tiền tự động của Ngân hàng A tại số 61 đường Trần P, phường D, thành phố P, Gia Lai. Tại đây, T sử dụng thẻ ATM tín dụng của Ngân hàng A có mã pin 6097 của chị T để lấy tiền; từ lúc 9 giờ 15 phút đến 9 giờ 20 phút, T đã thực hiện liên tục 5 lần rút tiền, lần thứ nhất 1.000.000đ, ba lần kế tiếp mỗi lần 10 triệu đồng và lần thứ năm 4 triệu đồng. T tiếp tục di chuyển đến máy rút tiền tự động của Ngân hàng N tại số 33 đường Quang Trung, thành phố P, tỉnh Gia Lai rút 3 triệu đồng tiền trong thẻ ATM của chị T; tổng công số tiền T chiếm đoạt của chị T trong thẻ ATM tín dụng của Ngân hàng A là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

Sau khi lấy được tiền, T vứt toàn bộ số giấy tờ và thẻ ATM trong ví của anh V bên lề đường Võ Trung T, phường I, thành phố P.

Số tiền chiếm đoạt được, T tiêu xài cá nhân hết 9.300.000đ; ngày 28/02/2020, T đến cơ quan Công an thành phố P đầu thú và giao nộp số tiền còn lại 28.700.000đ. Quá trình điều tra, T nhờ mẹ mình là bà Nguyễn H hoàn trả lại số tiền T đã tiêu xài cho chị Lê T. Toàn bộ giấy tờ, tài sản và thẻ ATM đã được thu hồi hoàn trả lại cho anh V và chị T trong quá trình điều tra.

Tại Bản cáo trạng số: 89/CT-VKS ngày 25/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Anh T về tội “*Trộm cắp tài*

sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày diễn biến vụ án đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Anh T và đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm: b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 về đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T mức án từ 01 năm 6 (Sáu) tháng đến 01(Một) năm 09 tháng tù, tù tính từ ngày bị tạm giữ 28/02/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận mức hình phạt mà Kiểm sát viên công bố và những nội dung khác mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên không có ý kiến tranh luận gì.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm bị cáo:

Sau khi nhặt được ví của anh Huỳnh V đánh rơi, trong đó có thẻ ATM tín dụng Ngân hàng A của chị Lê T và mã pin- một dạng mật khẩu mà Ngân hàng cấp cho chủ thẻ ATM để quản lý tiền trong tài khoản - Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 27/02/2020 bị cáo Nguyễn Anh T đến máy rút tiền tự động tại số 61 đường Trần P để thực hiện 05 lần rút tiền trong tài khoản của chị T; lần thấp nhất là 1.000.000đ; các lần tiếp theo mỗi lần ít nhất là 4.000.000đ; tổng cộng là 35.000.000đ. T tiếp tục

đến máy rút tiền tự động của Ngân hàng N tại số 33 đường Quang T, thành phố P rút 3.000.000đ; tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt trong thẻ ATM của chị T là 38.000.000đ.

Sau khi phát hiện tiền trong tài khoản của mình bị người khác lấy mất, chị T báo cho cơ quan chức năng để truy tìm. Biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã đi đầu thú và giao nộp lại số tiền đã chiếm đoạt và nhờ mẹ để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị T.

Hành vi sử dụng mật khẩu tài khoản thẻ ATM của người khác để đăng nhập vào tài khoản của họ chiếm đoạt số tiền 38.000.000đ mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là trái pháp luật, nên đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Quyền sở hữu tài hợp pháp của công dân là bất khả xâm phạm, được Nhà nước bảo hộ; mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến tài sản của người khác đều bị xử lý. Nguyễn Anh T nhận thức được điều đó, biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên cố tình phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, răn đe, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trên 02 lần, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 để cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên, Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thể hiện ở hành vi bị cáo đã ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình, chỉ ra địa điểm vứt bỏ vật chứng, giúp cho cơ quan Điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án; bồi thường toàn bộ cho người bị hại, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm: b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra Công an thành phố P xử lý, hoàn trả cho người bị hại, chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản hợp và các giấy tờ tài liệu là có căn cứ, đúng pháp luật; người bị hại không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi liên quan là bà Nguyễn H được bị cáo nhờ trả số tiền 9.300.000đ cho người bị hại, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bà H không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa về mức án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc xử lý vật chứng là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm như trách nhiệm hình sự, đã thật sự ăn năn hối cải sâu sắc khi đã đầu thú và thành khẩn khai báo để nhanh chóng kết thúc vụ án đưa ra xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án tù thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 28/02/2020.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS TP P;
- Công an Tp. P;
- THADS Tp.P;
- Bị cáo;
- Lưu hs.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nhơn

